**0 BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**

**MÔN: TIẾNG ANH 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kỹ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng**  **cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | ***Tổng Số CH*** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** | ***TN*** | ***TL*** |
| **I.** | **LISTENING** | 1. Nghe các mẩu hội thoại/ độc thoại trong 2.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) để trả lời câu hỏi . | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để tìm bức tranh đúng với câu hỏi |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| 2. Nghe một đoạn hội thoại/ độc thoại khoảng 1.5 phút (khoảng 80 – 100 từ) liên quan đến các chủ đề đã học.  Holiday. | **Nhận biết:**  - Nghe lấy thông tin chi tiết. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu nội dung chính của đoạn độc thoại/ hội thoại để điền thông tin còn thiếu |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **II.** | **LANGUAGE** | **1. Pronunciation**  - Cách phát âm :/ei/ ; /ai/  **;/eə /** | **Nhận biết:**  - Nhận biết các âm hoặc trọng âm thông qua các từ vựng theo chủ đề đã học. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các âm trong phần nghe. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng vào bài nghe/nói. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Vocabulary**  Từ vựng đã học thuộc chủ điểm: Lễ hội, giao thông, phim | **Nhận biết:**  - Nhận ra, nhớ lại, liệt kê được các từ vựng theo chủ đề đã học. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt được các từ vựng theo chủ đề đã học.  - Nắm được các mối liên kết và kết hợp của từ trong bối cảnh và ngữ cảnh tương ứng. |  |  | 2 |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng được từ vựng đã học trong văn cảnh (danh từ, động từ, tính từ và trạng từ…) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **3. Grammar – language function**  Các chủ điểm ngữ pháp:   * It indicating distance * Connectors: although/ However, Nevertheness, despite, In spite of, ... * Should/shouldn’t * Questions words. | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các kiến thức ngữ pháp đã học. | 3 |  |  |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu và phân biệt các chủ điểm ngữ pháp đã học. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
|  |  |  | **Vận dụng:**  - Hiểu và vận dụng các kiến thức ngữ pháp đã học vào bài nghe/ nói/ đọc/ viết. |  |  |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  |
| **III.** | **READING** | **1. Cloze test**  Hiểu được bài đọc có độ dài khoảng 80-100 từ về chủ đề Films. | **Nhận biết:**  - Nhận ra được các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. | 2 |  |  |  |  |  |  |  | 2 |  |
| **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các đặc trưng, đặc điểm các thành tố ngôn ngữ và liên kết về mặt văn bản. |  |  | 3 |  |  |  |  |  | 3 |  |
| **Vận dụng:**  - Sử dụng các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng trong các tình huống mới. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2. Reading comprehension**  Hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết đoạn văn bản có độ dài khoảng 100-120 từ, chủ điểm về lễ hội (Festivals) | **Nhận biết:**  - Thông tin chi tiết | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **Thông hiểu:**  - Hiểu ý chính của bài đọc và chọn câu trả lời phù hợp.  - Hiểu được nghĩa tham chiếu.  - Loại trừ các chi tiết để đưa ra câu trả lời phù hợp |  |  | 4 |  |  |  |  |  | 4 |  |
| **Vận dụng:**  - Đoán nghĩa của từ trong văn cảnh.  - Hiều, phân tích, tổng hợp ý chính của bài để chọn câu trả lời phù hợp. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **IV.** | **WRITING** | **1. Error identification**  Xác định lỗi sai  (connectors, should/should’t) | **Nhận biết:**  - Nhận diện lỗi về ngữ pháp và từ loại trong câu. | 1 |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| **2. Sentence transformation**  Viết lại câu dùng từ gợi ý hoặc từ cho trước (connectors, yes/no question, festival | **Thông hiểu:**  - Sử dụng các từ đã để sắp xếp thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Vận dụng:**  - Hiểu câu gốc và sử dụng các từ gợi ý để viết lại câu sao cho nghĩa không thay đổi. |  |  |  |  | 3 |  |  |  | 3 |  |
| **3. Sentence building**  Sử dụng từ/ cụm từ gợi ý để viết câu (chủ đề về giao thông) | **Vận dụng cao:**  - Sử dụng các từ, cụm từ đã cho để viết thành câu hoàn chỉnh. |  |  |  |  |  |  |  | 5 |  | 5 |
| ***Tổng*** | |  |  | ***17*** |  | ***17*** |  | ***5*** |  |  |  | **39** | **5** |

7

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ 2**

**MÔN: TIẾNG ANH 7 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tỉ lệ (%)** | **Thời gian**  **(phút)** | **Tỉ lệ (%)** | **Thời gian**  **(phút)** | **Tỉ lệ (%)** | **Thời gian**  **(phút)** | **Tỉ lệ (%)** | **Thời gian**  **(phút)** | **Tỉ lệ (%)** | **Thời gian**  **(phút)** |
| **1** | **Listening** | 10 | 4 | 10 | 6 |  |  |  |  | 20 | 10 |
| **2** | **Language** | 10 | 3 | 10 | 5 | 10 | 6 |  |  | 30 | 14 |
| **3** | **Reading** | 10 | 8 | 10 | 5 | 5 | 5 |  |  | 25 | 18 |
| **4** | **Writing** | 5 | 3 | 5 | 4 | 5 | 4 | 10 | 7 | 25 | 18 |
| **Tổng** | | **35** | **18** | **35** | **20** | **20** | **15** | **10** | **7** | **100** | **60** |
| **Tỉ lệ (% )** | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **100** | **60** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | **70** | | | | **30** | | | | **100** | |